TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 7 - 2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Xuân Thuấn
2. Ông Điểu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 53/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXX - ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lưu Kim N, sinh năm 1990 (có mặt)

HKTT: Tổ 1, khu phố 4, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: D4/47, khu phố T, phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

* Bị đơn: Anh Ngô Minh H, sinh năm 1985 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 4, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lưu Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Ngô Minh H sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND phường P vào ngày 16/9/2013. Sau khi kết

hôn, vợ chồng chung sống không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do chị và anh H không cùng quan điểm sống, mâu thuẫn với nhau về chuyện tiền bạc dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung nên cãi vã thường xuyên. Chị và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ai cũng có cuộc sống riêng. Chị N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị N yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị N được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung tên Ngô Long H1, sinh ngày 02/10/2011. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 05/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Ngô Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất với trình bày của chị N về việc anh và chị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P vào ngày 16/9/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh H thừa nhận do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nên anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Anh H thống nhất anh và chị N có một người con chung tên Ngô Long H1, sinh ngày 02/10/2011. Khi ly hôn, anh không đồng ý giao cháu H1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, vì lý do: anh H có mẹ phụ chăm sóc cháu, điều kiện ăn ở tốt hơn nếu ở với chị N, nhà anh H ở gần trung tâm nên cháu H1 được tiếp xúc với môi trường tốt hơn, thuận lợi cho việc học tập, vui chơi của cháu. Hiện cháu H1 ở với ông bà ngoại ở tỉnh Vĩnh Long ở vùng nông thôn nên điều kiện học tập, sinh hoạt, ăn uống không đảm bảo cho sự phát triển của cháu. Do vậy, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 53, 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H và yêu cầu được trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Do đó, xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ". Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 4 , phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Ngô Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Kim N và anh Ngô Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường P vào ngày 16/9/2013 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107/2013, quyển số 01/2012. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị N và anh H đều thừa nhận hai vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Hiện chị N và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Tại biên bản hòa giải này 05/3/2020 (BL 22) chị N và anh H không thỏa thuận được với nhau về việc đoàn tụ và thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lưu Kim N là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi sống ly thân cho đến nay cháu H1 do chị N trực tiếp nuôi dưỡng khi chị N đi làm

ở thành phố Bình Dương đã gửi cháu cho cha mẹ của chị N tại ấp P, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tháng chị N về thăm và cấp dưỡng nuôi con. Tại giấy xác nhận của ông Lưu Thành D và bà Nguyễn Thị U (là cha mẹ ruột của chị N, bút lục 40) có xác nhận của chính quyền địa phương, thể hiện: trong thời gian cháu H1 ở với ông bà ngoại, cháu vẫn được chăm sóc tốt, đi học và ăn uống đầy đủ, vẫn đảm bảo cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của cháu. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột của anh H ngày 18/6/2020 (BL 32-33) cũng như tại phiên tòa, bà T trình bày: trước đây H không đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng và yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H1 nhưng trong thời gian chờ đợi Tòa án giải quyết thì anh H đi làm xa (thầu xây dựng) nên không thường xuyên có ở nhà để chăm sóc cho cháu H1 nên bà và anh H có trao đổi và thống nhất giao cháu H1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sống gây ảnh hưởng tâm lý cho cháu H1. Mặt khác, cháu H1 cũng có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Xét điều kiện kinh tế và nơi ở của chị N hiện nay, có công việc, nơi ở ổn định, thu nhập trung bình 8.700.000 đ/tháng nên việc giao cháu H1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng vẫn đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của chị N; giao cháu Ngô Long H1, sinh ngày 02/10/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53, các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chị Lưu Kim N được ly hôn với anh Ngô Minh H.

- Về con chung: Giao con chung tên Ngô Long H1, sinh ngày 02/10/2011 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Lưu Kim N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0006xxx ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Phần án phí chị N đã thi hành xong.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/7/2020).

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long;
- UBND phường P
(số 107, ngày 16/9/2013);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt